

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 ngày 23/4/2026, Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thi hành kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả và tiết kiệm.

- Xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường trong việc tiến hành các hoạt động triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao nhận thức về Luật Tiếp cận thông tin và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương và Nhân dân trong việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thường xuyên của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; sự phối hợp liên tục, chặt chẽ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

- Bảo đảm từ ngày 01/9/2026 Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được thực hiện đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, lưu trữ và các quy định có liên quan.

- Nội dung công việc gắn với trách nhiệm cụ thể của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, bảo đảm tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, thực hiện truyền thông, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Tư pháp.

- **Cơ quan phối hợp:** Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Cơ quan thực hiện:** Văn phòng UBND tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; cơ quan báo chí, truyền thông.

- **Thời gian thực hiện:** Năm 2026 và các năm tiếp theo; hoàn thành việc phổ biến, quán triệt triển khai thi hành Luật trước ngày 30/8/2026.

- **Sản phẩm:** Hội nghị, hội thảo, tọa đàm; tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức truyền thông phù hợp khác.

2. Công khai thông tin đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; rà soát, kiện toàn, bố trí hợp lý đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mối cung cấp thông tin

2.1. Công khai thông tin đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

- **Nội dung:** Công khai tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cơ quan, đơn vị đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Tư pháp (theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp kết quả).

- **Cơ quan phối hợp:** Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Cơ quan thực hiện:** Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- **Thời gian thực hiện:** Trước ngày 01/9/2026.

- **Sản phẩm:** Danh sách công khai đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của từng cơ quan, đơn vị; Thông tin đầu mối được đăng tải công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; Báo cáo kết quả thực hiện gửi cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Rà soát, kiện toàn, bố trí đầu mối cung cấp thông tin

- **Nội dung:** Rà soát đội ngũ công chức, viên chức, đơn vị, bộ phận để bố trí hoặc kiện toàn đầu mối cung cấp thông tin bảo đảm đủ năng lực, trình độ; ưu tiên người có kinh nghiệm trong công tác pháp luật hoặc công nghệ thông tin.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Tư pháp (theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp kết quả)

- **Cơ quan phối hợp:** Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Cơ quan thực hiện:** Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

- **Sản phẩm:** Quyết định kiện toàn/bố trí đầu mối cung cấp thông tin tại các cơ quan, đơn vị; Danh sách đầu mối cung cấp thông tin được cập nhật, công khai; Báo cáo kết quả rà soát, kiện toàn gửi UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) tổng hợp.

3. Công bố, công khai thủ tục hành chính về cung cấp thông tin theo quy định; lập và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Luật Tiếp cận thông tin

3.1 Công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

- **Cơ quan chủ trì:** Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

- **Cơ quan phối hợp:** Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Cơ quan thực hiện:** Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường.

- **Thời gian thực hiện:** Thực hiện thường xuyên theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

- **Sản phẩm:** Quyết định công bố thủ tục hành chính; thủ tục hành chính được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Hệ thống

thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và các hình thức công khai khác theo quy định.

3.2. Rà soát, lập, phê duyệt và công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin; bảo đảm việc công khai đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Nội vụ (tham mưu UBND tỉnh rà soát, lập, trình phê duyệt và công khai danh mục).

- **Cơ quan phối hợp:** Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hoàn thành trước ngày 01/9/2026; cập nhật, điều chỉnh khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

- **Sản phẩm:** Danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được phê duyệt và công khai theo quy định.

4. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin

- **Nội dung:**

+ Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh.

+ Thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Tư pháp (theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp kết quả rà soát).

- **Cơ quan phối hợp:** Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- **Cơ quan thực hiện:** Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; hoàn thành việc rà soát và báo cáo kết quả trước ngày 01/8/2026.

- **Sản phẩm:** Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới (nếu có); Văn bản kiến nghị xử lý hoặc dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương (nếu có).

5. Vận hành Cổng Thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, Cổng dữ liệu (nếu có), các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan, đơn vị

5.1. Vận hành Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử, Cổng dữ liệu (nếu có), các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị

- **Cơ quan chủ trì:** Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, vận hành Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử, Cổng dữ liệu (nếu có), các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

- **Sản phẩm:**

+ Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, Cổng dữ liệu (nếu có) và các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị được duy trì vận hành thường xuyên, liên tục, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác cho tổ chức, cá nhân.

+ Thông tin thuộc diện công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật có liên quan được đăng tải, cập nhật theo quy định.

+ Báo cáo kết quả vận hành, khai thác và cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất.

5.2. Rà soát, phân loại và công khai thông tin theo phạm vi tiếp cận của công dân (thông tin phải công khai, thông tin được tiếp cận có điều kiện, thông tin không được tiếp cận) bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, lưu trữ và các quy định có liên quan.

- **Cơ quan chủ trì hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp:** Sở Tư pháp.

- **Cơ quan phối hợp:** Các cơ quan liên quan.

- **Cơ quan thực hiện:** Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

- **Sản phẩm:**

+ Danh mục thông tin phải được công khai của các cơ quan, đơn vị; Danh mục thông tin được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện và thông tin không được tiếp cận.

+ Văn bản/phương án phân loại thông tin phục vụ cung cấp thông tin theo quy định.

+ Báo cáo kết quả rà soát, phân loại thông tin định kỳ hoặc đột xuất.

6. Xây dựng, vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của các cơ quan, đơn vị; thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ quản lý, khai thác và cung cấp thông tin, bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác phù hợp với quy định về chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, lưu trữ và bảo vệ thông tin.

- **Cơ quan chủ trì:** Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin thuộc phạm vi quản lý.

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Thường xuyên.

- **Sản phẩm:**

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của các cơ quan, đơn vị được xây dựng, vận hành, lưu giữ và cập nhật thường xuyên;

+ Hồ sơ, tài liệu, văn bản được số hóa và tích hợp vào cơ sở dữ liệu theo quy định;

+ Quy trình, danh mục dữ liệu được chuẩn hóa phục vụ quản lý, khai thác và cung cấp thông tin.

+ Báo cáo kết quả số hóa, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu theo định kỳ hoặc đột xuất.

7. Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác đầu mối cung cấp thông tin

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Tư pháp.

- **Cơ quan phối hợp:** Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Năm 2026 và các năm tiếp theo.

- **Sản phẩm:**

+ Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về Luật Tiếp cận thông tin và văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Các hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ được tổ chức theo kế hoạch.

+ Danh sách, kết quả tham gia tập huấn của đội ngũ đầu mỗi cung cấp thông tin.

+ Báo cáo kết quả tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ.

8. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, khen thưởng (nếu có) việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin

- **Cơ quan chủ trì:** Sở Tư pháp

- **Cơ quan phối hợp:** Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- **Thời gian thực hiện:** Hằng năm và những năm tiếp theo.

- **Sản phẩm:**

+ Kế hoạch kiểm tra thi hành Luật Tiếp cận thông tin (có thể lồng vào Kế hoạch kiểm tra công tác PBGDPL).

+ Báo cáo kết quả kiểm tra, theo dõi, đôn đốc định kỳ hoặc đột xuất.

+ Báo cáo sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật trên địa bàn tỉnh.

+ Quyết định khen thưởng hoặc đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai thi hành Luật (nếu có).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này chủ động xây dựng dự toán, bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm được cấp có thẩm quyền giao; đồng thời lồng ghép với kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Việc lập, tổng hợp, thẩm định và phân bổ kinh phí thực hiện Kế hoạch được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và trong phạm vi khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; chủ trì thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế

hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin và kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, công khai đầu mối cung cấp thông tin.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố, công khai thủ tục hành chính về cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

- Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý, theo dõi yêu cầu cung cấp thông tin trên môi trường điện tử; bảo đảm việc công khai, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các kênh thông tin chính thức thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp với Sở Tư pháp trong công tác truyền thông, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin; cung cấp, tổng hợp, cập nhật nội dung phục vụ đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các kênh thông tin chính thức của tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan về giải pháp kỹ thuật, nền tảng số, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành cổng dữ liệu, cơ sở dữ liệu thông tin và cung cấp thông tin trên môi trường điện tử;

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, vận hành các kênh truyền thông, trang thông tin, trang cộng đồng chính thức phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức xã hội về quyền tiếp cận thông tin.

5. Sở Tài chính

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan

tham mưu UBND tỉnh bảo đảm kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh rà soát, lập, công khai danh mục đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin.

- Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong quá trình theo dõi, đánh giá việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh.

7. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; ban hành kế hoạch triển khai Luật Tiếp cận thông tin (nếu cần); bảo đảm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, đúng tiến độ, chất lượng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin; bố trí đầu mối cung cấp thông tin có đủ năng lực; thực hiện cập nhật, lưu giữ, quản lý thông tin thuộc phạm vi quản lý để phục vụ việc cung cấp thông tin theo yêu cầu; bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

- Thực hiện công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu và cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin thuộc phạm vi quản lý.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Ban hành kế hoạch, tổ chức triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin và các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin và văn bản hướng dẫn thi hành bằng hình thức phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cung cấp thông tin theo quy định.

- Công khai thông tin, tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

- Người đứng đầu UBND các xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin thuộc phạm vi quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa

bàn tỉnh Thanh Hóa. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường báo cáo kết quả thực hiện **trước ngày 15/11 hằng năm** hoặc khi có yêu cầu gửi Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TDNC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng